

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;
Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;
Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3067/TTr-SNV ngày 02 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2024 và thay thế Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban TĐKT TW (HN, TP HCM);
- Vụ pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đài PT&TH, Báo Đồng Khởi;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật (STP);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Ban Tiếp công dân (để niêm yết);
- Phòng TH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, QT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Tam



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bến Tre
(Kèm theo Quyết định số 39 /2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022; Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng áp dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập thể, hộ gia đình, cá nhân người Việt Nam cư trú trong và ngoài tỉnh; tập thể, cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tập thể, cá nhân người nước ngoài; các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tỉnh Bến Tre.

Chương II ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, MẪU BẢNG CHỨNG NHẬN “GIA ĐÌNH VĂN HÓA”

Mục 1 DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm vào dịp tổng kết năm (hoặc năm học đối với hệ thống giáo dục quốc dân) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15; khoản 5 Điều 1 Thông tư

số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho công nhân (không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này) đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm.
- b) Chấp hành tốt các nội quy, quy trình sản xuất; có ý thức tổ chức kỷ luật; trong lao động, sản xuất có sáng tạo, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.
- c) Tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua do doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội phát động.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho nông dân, người lao động (không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này) đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Gương mẫu chấp hành tốt các quy ước nơi cư trú; áp dụng kỹ thuật tiên bộ trong lao động, sản xuất; có cách làm mang lại hiệu quả cao trong lao động, sản xuất được cộng đồng suy tôn, công nhận.
- b) Tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua do địa phương, tổ chức đoàn thể nơi cư trú phát động và được bình xét, suy tôn.

Điều 4. Danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh” được xét tặng hằng năm cho tập thể dẫn đầu các Cụm, Khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tổ chức đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- b) Tổ chức đầy đủ các phong trào thi đua và thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế của cụm, khối thi đua.
- c) Có phong trào thi đua được tổ chức thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể, đơn vị khác trong, ngoài tỉnh học tập.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh” để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tổ chức, triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động; ban hành đầy đủ các văn bản thực hiện phong trào thi đua đó; có tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào và khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện phong trào theo thẩm quyền.

b) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua, nhiệm vụ đã đăng ký hoặc được giao trong phong trào, được bình chọn là đơn vị có thành tích tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua.

c) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

d) Được cụm, khối thi đua hoặc Ban Chỉ đạo cấp tỉnh hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thường trực của phong trào và các cơ quan liên quan xét, chọn và đề nghị.

Điều 5. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

2. Đối tượng xét tặng “Tập thể lao động xuất sắc”, gồm:

a) Đối với cấp tỉnh, gồm:

Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là cơ quan đảng, đoàn thể cấp tỉnh); Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là sở, ban, ngành cấp tỉnh).

Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh; Văn phòng chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh.

Phòng và tổ chức tương đương thuộc các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của sở, ban, ngành cấp tỉnh.

Phòng và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của chi cục và tương đương thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh.

b) Đối với cấp huyện, gồm:

Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy, Thành ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Hội có phạm vi hoạt động trong huyện.

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

c) Đối với đơn vị sự nghiệp, gồm:

Các đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Các khoa, phòng và tổ chức tương đương thuộc các đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của cấp có thẩm quyền.

d) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, gồm:

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, hợp tác xã (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

Điều 6. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, gồm:

a) Đối với cấp tỉnh, gồm:

Phòng và tổ chức tương đương thuộc các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của sở, ban, ngành tỉnh.

Phòng và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của chi cục và tương đương thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh.

b) Đối với cấp huyện, gồm:

Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy, Thành ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Hội có phạm vi hoạt động trong huyện.

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp, gồm:

Các đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của cấp có thẩm quyền (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh).

Các khoa, phòng và tổ chức tương đương thuộc các đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của cấp có thẩm quyền.

d) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, gồm:

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, hợp tác xã (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

Điều 7. Danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu

1. Danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu được xét tặng hằng năm cho xã, phường, thị trấn dẫn đầu phong trào thi đua ở cấp huyện đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giao.

Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

Có mô hình hợp tác và phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng của địa phương.

b) Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển.

Thu nhập bình quân đầu người bằng hoặc cao hơn thu nhập bình quân đầu người của huyện.

Có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo kết quả rà soát thấp hơn bình quân chung của huyện.

Có hệ thống đường điện an toàn theo quy định hiện hành.

Tổ chức, quản lý, sử dụng đúng mục đích và hoạt động có hiệu quả các công trình công cộng, trường học, trạm y tế.

c) Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú.

Tỷ lệ ấp, khu phố được công nhận danh hiệu “ấp, khu phố văn hóa” đạt từ 90% trở lên; được khen thưởng “ấp, khu phố văn hóa” 05 năm liên tục đạt 15% trở lên.

Từ 50% trở lên ấp, khu phố có thiết chế văn hóa, thể thao; cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội đạt từ 90% trở lên.

Thực hiện tốt việc bảo tồn, phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa - danh lam thắng cảnh và các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống của địa phương.

d) Môi trường an toàn, thân thiện, cảnh quan sạch đẹp.

Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ. Không để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường, cháy nổ.

Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch tại địa phương.

Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt từ 55% trở lên đối với xã, 100% đối với phường, thị trấn.

Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.

đ) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tỷ lệ người dân được phổ biến và nghiêm chỉnh thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương đạt từ 90% trở lên.

Triển khai dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định.

Ban hành và tổ chức thực hiện tốt quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn, tạo điều kiện để nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương.

Xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Không xét tặng danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu đối với xã, phường, thị trấn vi phạm một trong các trường hợp được quy định tại khoản 6 Điều 6 Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

Điều 8. Danh hiệu “Ấp, khu phố văn hóa”

1. Danh hiệu ấp, khu phố văn hóa được tặng hằng năm cho ấp, khu phố trong phạm vi cấp xã đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đời sống kinh tế ổn định và phát triển.

Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động có việc làm và thu nhập ổn định từ 80% trở lên đối với xã, thị trấn; 90% trở lên đối với phường.

Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo thấp hơn bình quân chung của xã, phường, thị trấn.

Phát triển ngành nghề truyền thống hoặc có đóng góp về văn hóa, công nghệ, khoa học kỹ thuật cho địa phương.

Tỷ lệ hộ gia đình tham gia, hưởng ứng các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức đạt từ 80% trở lên.

b) Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú.

Có nhà văn hóa, sân thể thao, điểm đọc sách phục vụ cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tiễn của ấp, khu phố.

Trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường đạt từ 95% trở lên.

Có kế hoạch và tổ chức nhiều hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí lành mạnh.

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội đạt từ 80% trở lên.

Thực hiện tốt công tác hòa giải ở cơ sở; công tác phòng chống tệ nạn xã hội.

Bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa, các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống của địa phương.

c) Môi trường an toàn, thân thiện, cảnh quan sạch đẹp.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Thực hiện việc mai táng, hỏa táng (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật và theo quy định của địa phương.

Các địa điểm vui chơi công cộng được tôn tạo, bảo vệ và giữ gìn sạch sẽ. Khai thác hoạt động có hiệu quả.

Có 100% hộ gia đình tham gia tự quản trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường và phòng, chống dịch bệnh; không để xảy ra ngộ độc thực phẩm đông người.

d) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ vững trật tự, an toàn xã hội; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương.

Hộ gia đình được phổ biến và nghiêm chỉnh thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương đạt từ 90% trở lên.

Có tổ chức triển khai các phong trào thi đua ở địa phương và đạt 90% hộ gia đình trên địa bàn hưởng ứng tham gia.

Các tổ chức tự quản ở cộng đồng hoạt động có hiệu quả.

Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận “Gia đình văn hóa” hằng năm đạt từ 90% trở lên.

Thực hiện tốt công tác phòng, chống bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới. Không để xảy ra tình trạng bạo lực gia đình trên địa bàn.

đ) Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.

Thực hiện các Cuộc vận động, Phong trào thi đua yêu nước do Trung ương và địa phương phát động.

Quan tâm, chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người có công, người khuyết tật, người lang thang, cơ nhỡ và người có hoàn cảnh khó khăn.

Triển khai hiệu quả các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và các mô hình về văn hóa, gia đình tại cơ sở.

2. Không xét tặng danh hiệu “Áp, khu phố văn hóa” đối với ấp, khu phố vi phạm một trong các trường hợp được quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

Điều 9. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”

1. Danh hiệu “Gia đình văn hóa” được tặng hằng năm cho hộ gia đình đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Các thành viên trong gia đình chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo quy định.

Bảo đảm an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy.

Bảo đảm các quy định về độ ồn, không làm ảnh hưởng đến cộng đồng theo quy định của pháp luật về môi trường.

b) Tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động, sản xuất, học tập, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội của địa phương.

Tham gia các hoạt động nhằm bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên và môi trường của địa phương.

Tham gia các phong trào từ thiện, nhân đạo; đền ơn đáp nghĩa; khuyến học khuyến tài và xây dựng gia đình học tập.

Tham gia sinh hoạt cộng đồng ở nơi cư trú.

Tích cực tham gia các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức.

Người trong độ tuổi có khả năng lao động tích cực làm việc và có thu nhập chính đáng.

Trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường.

c) Gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; thường xuyên gắn bó, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ trong cộng đồng.

Thực hiện tốt Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình.

Thực hiện tốt chính sách dân số, hôn nhân và gia đình.

Thực hiện tốt các mục tiêu về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình/bạo lực trên cơ sở giới.

Hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước/các loại hình tương tự hợp vệ sinh.

Tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng khi khó khăn, hoạn nạn.

2. Không xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” đối với gia đình có thành viên vi phạm một trong các trường hợp được quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

Mục 2

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 10. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể, tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, gồm:

1. Khen thưởng phong trào thi đua (chuyên đề).

a) Tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc sau khi sơ, tổng kết các phong trào thi đua (chuyên đề) do Ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy phát động hoặc do cơ quan đảng, đoàn thể, sở, ban, ngành cấp tỉnh phát động có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh đã được sự thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch phát động thi đua.

Cơ cấu, số lượng xét khen thưởng của mỗi phong trào thi đua (chuyên đề): phong trào thi đua (chuyên đề) chỉ có 02 cấp tham gia: cấp tỉnh 40%, cấp huyện 60%; phong trào thi đua (chuyên đề) có 03 cấp tham gia: cấp tỉnh 20%, cấp huyện 20%, cấp cơ sở 60%. Đối tượng để tặng Bằng khen là tập thể, cá nhân trực tiếp thực hiện phong trào thi đua (chuyên đề) với số lượng như sau:

Sơ, tổng kết 2 năm: Tặng 08 Bằng khen (03 tập thể, 05 cá nhân).

Sơ, tổng kết 3 năm: Tặng 10 Bằng khen (04 tập thể, 06 cá nhân).

Sơ, tổng kết 4 năm: Tặng 12 Bằng khen (05 tập thể, 07 cá nhân).

Sơ, tổng kết 5 năm trở lên: Tặng 15 Bằng khen (06 tập thể, 09 cá nhân).

Riêng đối với các phong trào thi đua (chuyên đề) chỉ có 01 cấp tham gia khi tổng kết 05 năm trở lên: Tặng 06 Bằng khen (02 tập thể, 04 cá nhân).

Tùy theo tính chất, nội dung, thành tích đạt được trong thực hiện các phong trào thi đua (chuyên đề) để xem xét khen tập thể hay cá nhân phù hợp, đảm bảo đúng thực chất (quy đổi 02 cá nhân bằng 01 tập thể).

b) Tập thể, cá nhân thuộc các bộ, ngành Trung ương, các địa phương ngoài tỉnh, các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, tập đoàn kinh tế do Trung ương thành lập và quản lý, các cơ quan thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh hằng năm và giai đoạn.

- Tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiệm kỳ trước nhân dịp Đại hội nhiệm kỳ mới của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp cấp tỉnh; trong hoạt động nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Số lượng đề nghị khen thưởng không quá 06 tập thể, 09 cá nhân.

- Tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc tại Đại hội Đảng, Đại hội Thi đua yêu nước, hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến cấp tỉnh, Hội nghị tổng kết thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch hoặc chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, khen thưởng thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Số lượng đề nghị khen thưởng không quá 06 tập thể, 09 cá nhân.

- Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành, của tỉnh khi: Tổng kết Luật, Nghị định, Nghị quyết, Chỉ thị, Dự án, Đề án, Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống là các năm tròn (là năm có chữ số cuối cùng là "0") của các cơ quan đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, sở, ban, ngành cấp tỉnh và tổ chức tương đương; các huyện, thành phố; các doanh nghiệp; các Hội quần chúng cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh. Việc đề nghị khen thưởng được thực hiện sau khi có sự thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch tổ chức. Số lượng đề nghị khen thưởng áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 của Điều này.

c) Đối với các phong trào thi đua (chuyên đề) do Trung ương phát động thì việc tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc hướng dẫn của Trung ương.

2. Khen thưởng đột xuất

a) Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất khi hoàn thành xuất sắc, vượt kế hoạch một nhiệm vụ đặc biệt, quan trọng, đột xuất do tình giao; có thành tích xuất sắc trong công tác tuyên truyền, vận động giải phóng mặt bằng các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh; có hành động mưu trí, dũng cảm trong truy bắt tội phạm đặc biệt nguy hiểm,

trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án đặc biệt nghiêm trọng; có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác phòng chống, khắc phục thiên tai, hỏa hoạn, tìm kiếm cứu nạn, rà phá bom mìn, vật liệu nổ; dũng cảm đấu tranh phòng, chống các tội phạm, tố cáo tham nhũng, lãng phí; giải quyết những việc đặc biệt của xã hội, có hành động, nghĩa cử cao đẹp, cứu giúp người, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của Nhân dân, gương người tốt, việc tốt được xã hội hoan nghênh, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong toàn tỉnh trở lên.

b) Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể, cá nhân đạt các giải cao trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn, liên hoan: giải Nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp quốc tế, quốc gia; giải Nhất, Nhì, Ba cấp khu vực; giải Nhất cấp tỉnh. Riêng Hội thi Sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh (02 năm một lần): giải Nhất, Nhì, Ba (trừ trường hợp đã được cơ quan đảng, đoàn thể bộ, ban, ngành, trung ương tuyên dương, khen thưởng).

Đối với các kỳ thi học sinh giỏi: giải Nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp quốc tế, quốc gia; giải Nhất, Nhì, Ba cấp khu vực; giải Nhất, Nhì cấp tỉnh và đỗ thủ khoa kỳ thi Trung học phổ thông.

Trong một cuộc thi có nhiều môn thi: tập thể, cá nhân đạt giải cao ở nhiều môn thi khác nhau thì khen thưởng theo từng thành tích đạt được; tập thể, cá nhân đạt giải cao ở nhiều nội dung trong cùng một môn thi thì chỉ được xét khen thưởng cho thành tích đạt cao nhất.

c) Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho Huấn luyện viên, Hướng dẫn viên, Giáo viên có thành tích huấn luyện, hướng dẫn cho vận động viên, học sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba) trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn, liên hoan quốc tế.

d) Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể, cá nhân có phát minh, sáng chế được bảo hộ, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật đóng góp cho sự nghiệp phát triển của tỉnh Bến Tre, được cơ quan, cấp có thẩm quyền công nhận; Doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng Quốc gia; tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định ghi nhận kết quả nghiên cứu đạt loại xuất sắc, trên cơ sở đề xuất của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh.

đ) Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể, hộ gia đình, cá nhân có đóng góp vật chất, đất đai, tài sản, công sức phục vụ các chương trình, mục tiêu trọng điểm, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo trên địa bàn tỉnh (quy ra thành tiền) cụ thể như sau: tập thể, hộ gia đình có mức đóng góp một lần từ 150 triệu đồng trở lên; cá nhân có mức đóng góp một lần từ 50 triệu đồng trở lên; tập thể, cá nhân vận động đạt mức đóng góp một lần 400 triệu đồng trở lên.

3. Khen thưởng đối ngoại

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng tập thể, cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp trong xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác, trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

4. Khen thưởng Cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức

Thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. Khen thưởng công trạng

a) Tặng cho:

Tập thể đạt tiêu chuẩn được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

Cá nhân đạt tiêu chuẩn được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

b) Tặng cho công nhân, nông dân, người lao động đạt tiêu chuẩn sau:

Công nhân: Có 01 sáng kiến trở lên mang lại hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh hoặc có những đóng góp thiết thực, hiệu quả trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề được cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp ghi nhận.

Nông dân: Có mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên hỗ trợ, giúp đỡ cho hộ nông dân cùng địa phương giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động được địa phương ghi nhận.

Người lao động: Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã và được cấp có thẩm quyền ghi nhận nêu gương, học tập.

Điều 11. Giấy khen

1. Việc xét tặng giấy khen cho tập thể cá nhân thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

2. Giấy khen để tặng hằng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt trở lên nhiệm vụ chuyên môn tại cơ quan, đơn vị được giao trong năm.

b) Có phẩm chất đạo đức tốt; giữ gìn đoàn kết nội bộ, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Nội quy, Quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị, địa phương; tích cực tham gia các phong trào thi đua, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội do cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện và phát động.

c) Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Giấy khen để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt trở lên nhiệm vụ được giao hằng năm.

b) Nội bộ đoàn kết, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở và tổ chức, thực hiện tốt các phong trào thi đua.

c) Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

d) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

4. Giấy khen được tặng cho tập thể, hộ gia đình, cá nhân có thành tích đột xuất, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, chống tham nhũng, gương người tốt, việc tốt, có thành tích xuất sắc trong công tác, trong phong trào thi đua; tập thể, cá nhân đạt thành tích cao tại các hội thi, hội diễn.

5. Giấy khen tặng cho tập thể, hộ gia đình, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho sự phát triển của đơn vị, địa phương (quy ra thành tiền) cụ thể như sau:

a) Giấy khen của Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Tặng cho tập thể, hộ gia đình có mức đóng góp một lần từ 100 triệu đồng đến dưới 150 triệu đồng; cá nhân có mức đóng góp một lần từ 30 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng; tập thể, cá nhân vận động đạt mức đóng góp một lần từ 200 triệu đồng đến dưới 400 triệu đồng.

b) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Tặng cho tập thể, hộ gia đình có mức đóng góp một lần từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng; cá nhân có mức đóng góp một lần từ 10 triệu đồng đến dưới 30 triệu đồng; tập thể, cá nhân vận động đạt mức đóng góp một lần từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng.

Mục 3

MẪU BẰNG CHỨNG NHẬN “GIA ĐÌNH VĂN HÓA”

Điều 12. Mẫu Bằng chứng nhận “Gia đình văn hóa”

1. Hình thức

a) Kích thước: Thực hiện theo quy định tại Điều 105 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

b) Hoa tiết hoa văn trang trí xung quanh: Đường diềm được trang trí bằng các họa tiết hoa văn không được giống hoặc tương tự với các Bằng khen cấp nhà nước. Chính giữa phía trên là Quốc huy Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

c) Hình nền bằng đề trắng.

2. Nội dung

a) Dòng thứ nhất, dòng thứ hai ghi:

Quốc hiệu “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

Tiêu ngữ “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen và ở liền phía dưới Quốc hiệu; chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối, có cách chữ; phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng độ dài của dòng chữ.

b) Dòng thứ ba: Ghi “chức vụ của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng”; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đỏ.

c) Dòng thứ tư: Ghi tính chất tặng thưởng: Ghi là “TẶNG DANH HIỆU” chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

d) Dòng thứ năm: Ghi tên danh hiệu thi đua; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đỏ.

đ) Các dòng tiếp theo ghi tên của hộ gia đình được tặng danh hiệu thi đua; địa chỉ, thành tích của hộ gia đình được khen thưởng; chữ màu đen.

e) Ở phía dưới bên trái: Là “Số quyết định, ngày, tháng, năm” ghi theo số, ngày tháng năm ban hành quyết định; “Số sổ vàng” đặt dưới dòng số quyết định ghi số thứ tự của đối tượng được khen thưởng trong quyết định; chữ của hai dòng in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

g) Phía dưới bên phải: Ghi địa danh, ngày, tháng, năm; chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

Ngay dưới dòng địa danh là dòng chữ ghi chức vụ của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng, chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

h) Khoảng trống để ký tên, đóng dấu, ghi họ và tên người có thẩm quyền quyết định khen thưởng.

Mẫu bằng được minh họa tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

Chương III
VIỆC ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG
DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 13. Đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng đối với: danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo công trạng và khen thưởng chuyên đề, đột xuất.

2. Sở Nội vụ là cơ quan tham mưu thẩm định thành tích, thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, kết luận trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng công trạng đối với tập thể là các sở, ban ngành tỉnh, huyện/thành phố và tổ chức tương đương; cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý khi đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh.

3. Thường trực Huyện ủy, Thành ủy phải có ý kiến bằng văn bản trước khi trình khen thưởng công trạng đối với các tập thể thuộc huyện/thành phố và cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy, Thành ủy quản lý khi đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng gồm: Cờ thi đua của tỉnh, danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương các loại, các hạng.

4. Đối với các doanh nghiệp hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp đóng trụ sở hoặc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh (đối với các doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp thuộc tỉnh) lập thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định) xem xét, quyết định khen thưởng.

5. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm công khai lấy ý kiến Nhân dân đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, gồm: Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Huân chương các loại trên các phương tiện thông tin của tỉnh: Báo Đồng Khởi và Cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 10 ngày làm việc, trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (trừ các trường hợp khen thưởng theo Điều 40 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Thi đua, khen thưởng).

**Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy định này và theo dõi, tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Thủ trưởng các cơ quan Đảng; Nhà nước; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội; lực lượng vũ trang nhân dân; các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế; các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo phổ biến, tổ chức thực hiện Quy định này trong cơ quan, đơn vị, địa phương và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.



Phụ lục
MẪU BẢN VẼ THIẾT KẾ
BẰNG DANH HIỆU “GIA ĐÌNH VĂN HÓA”
(Kèm theo Quyết định số 39 /2024/QĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (PHƯỜNG, THỊ TRẤN).....

TẶNG DANH HIỆU
GIA ĐÌNH VĂN HÓA

Hộ gia đình:.....

Địa chỉ: số, Tổ NDTQ số....., ấp (khu phố).....

Đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” năm 202....

Số: /QĐ-UBND, ngày.... tháng.... năm 202...

Số sổ vàng:

Bến Tre, ngày tháng năm 202...

CHỦ TỊCH